

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2024

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp về con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn, nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Trung tâm y tế thị trấn Phước An;
2. Bà Trịnh Thị Oanh, nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1985. Địa chỉ: Nhà số 22, đường Đ, Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Quang N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Nhà số 22, đường Đ, Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Y trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với anh Lê Quang N kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định vào ngày 07/10/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/02. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Tuy nhiên sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vào tháng 11 năm 2022 tôi đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lê Quang N tại Tòa án, tuy nhiên sau đó chúng tôi được Tòa án mời đến làm việc, Tòa án đã hòa giải cho chúng tôi và chúng tôi đã đoàn tụ được nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào tháng 02/2023. Tuy nhiên sau khi quay về đoàn tụ được một thời gian thì vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với Lê Quang N. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với anh Lê Quang N được ly hôn.

- *Về con chung:* Giữa chúng tôi có 03 con chung là cháu Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012; cháu Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018. Hiện các cháu còn nhỏ, đang sống cùng với chúng tôi. Nay vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012, cháu Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về khả năng để chăm lo cho các con: Bản thân tôi làm nhân viên của Bru điện huyện K, với mức lương trên 10.000.000đồng/tháng. Về chỗ ở thì tôi có nhà ở, nhà này đứng tên của tôi nên tôi có khả năng để chăm lo cho cả 03 con trong trường hợp tôi được quyền nuôi 03 con chung.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con:* Tôi không yêu cầu anh Lê Quang N cấp dưỡng tiền nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung:* Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai vào ngày 08/01/2024 tại Tòa án anh Lê Quang N khai:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với chị Trần Thị Ngọc Y kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định vào ngày 07/10/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/02. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thì thoảng cũng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Trước đây chị Yến cũng đã 01 lần có đơn ly hôn nhưng

sau đó chúng tôi đoàn tụ được nên Tòa án đã đình chỉ. Tuy nhiên sau khi quay về chung sống được một thời gian thì vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Trần Thị Ngọc Y làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với tôi Lê Quang N thì tôi đồng ý.

- *Về con chung*: Giữa chúng tôi có 03 con chung là cháu Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012; cháu Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018. Hiện các cháu còn nhỏ, đang sống cùng với chúng tôi. Nay vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Ni, cháu P1 và cháu N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bản thân tôi có đủ điều kiện để chăm lo cho 03 con chung. Tôi làm công việc Shipper, mới làm việc 02 tháng nên không có bản lương của sáu tháng liên tục để cung cấp cho Tòa án và tôi chỉ cung cấp được bản lương của 02 tháng của tháng 12/2023 và tháng 01/2024 cho Tòa án. Riêng về chỗ ở thì tôi không có nhà riêng nhưng có thể thuê nhà để ở nên tôi có khả năng lo được chỗ ở cho cả 03 con.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con*: Trường hợp tôi được quyền nuôi 03 con chung thì tôi không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc Y phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc, Tòa án đã nhiều lần mời các đương sự lên làm việc nhưng bị đơn chỉ cung cấp lời khai đồng ý ly hôn nhưng không thống nhất được việc nuôi con; Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do trong khi đó chị Trần Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Lê Quang N. Do đó, căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51,

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lê Quang N.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là các cháu: Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012; Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Trần Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Ngọc Y không yêu cầu anh Lê Quang N phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không đề cập để xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc Y và anh Lê Quang N xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết vì vậy không đề cập để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào đơn khởi kiện thì bị đơn anh Lê Quang N có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Trần Thị Ngọc Y khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Quang N đồng thời giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn anh Lê Quang N vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cho các đương sự mở lại phiên tòa lần hai. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Quang N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Trần Thị Ngọc Y làm đơn xin được ly hôn với anh Lê Quang N. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và việc thu thập chứng cứ của Tòa án có trong hồ sơ thể hiện: Chị Trần Thị Ngọc Y với anh Lê Quang N kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Phước H,

huyện Tuy P, tỉnh Bình Định vào ngày 07/10/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/02. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị Y và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Tại bản tự khai do anh N cung cấp cho Tòa án, anh N thừa nhận trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thi thoảng cũng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Trước đây chị Y cũng đã 01 lần có đơn ly hôn nhưng sau đó chúng tôi đoàn tụ được nên Tòa án đã đình chỉ. Tuy nhiên sau khi quay về chung sống được một thời gian thì vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn; Theo biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương thể hiện “nguyên nhân mâu thuẫn của anh N và chị Y như thế nào thì địa phương không nắm rõ được vì chị Y anh N không có yêu cầu địa phương hòa giải, chị Y có báo với địa phương hai vợ chồng có mâu thuẫn và đang làm thủ tục ly hôn..”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Như vậy, căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị Y với anh N, xét mâu thuẫn giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu xin được ly hôn đối với anh N là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc Y, cho chị Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lê Quang N.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa anh chị có với nhau 03 con chung là cháu cháu Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012; cháu Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018. Hiện các cháu còn nhỏ, đang sống cùng với chị Y và anh N.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Qua lời khai của cháu Lê Trần Uyên N và cháu Lê Trần Uy P1 cung cấp cho Tòa án thì thấy các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị Ngọc Y. Và bản thân chị Y cũng có nguyện vọng được nuôi 03 con chung là cháu: Lê Trần Uyên N, Lê Trần Uy P1 và Lê Trần Khánh N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời, để chứng minh về khả năng nuôi được 03 con chung thì chị Y cũng đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ về điều kiện kinh tế để lo cho các con. Cụ thể là bảng lương thể hiện chị Y có công ăn việc làm ổn

định (hiện chị đang làm việc tại Bưu điện huyện K) với mức thu nhập ổn định dao động từ 10 triệu đồng đến 14 triệu đồng, có nhà để các con có chỗ ở. Như vậy chị Y có đủ khả năng về chỗ ở, điều kiện kinh tế để chăm lo 03 con chung. Trong khi đó anh N có nguyện vọng nuôi con nhưng anh không cung cấp được cho Tòa án về công ăn việc làm ổn định của anh cũng như nhà ở ổn định, rõ ràng của anh nhằm đảm bảo về chỗ ở sinh hoạt, điều kiện kinh tế để chăm lo các con.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử thấy: giao con chung là cháu Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012; cháu Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Trần Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Anh Lê Quang N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trần Thị Ngọc Y không yêu cầu anh Lê Quang N phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị Ngọc Y và anh Lê Quang N xác định giữa anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị Trần Thị Ngọc Y và anh Lê Quang N xác định giữa anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lê Quang N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Lê Trần Uyên N, sinh ngày 08/4/2012; cháu Lê Trần Uy P1, sinh ngày 21/9/2013 và cháu Lê Trần Khánh N1, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Trần Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê Quang N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
4. Về tài sản chung và công nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.
5. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Ngọc Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0005460 ngày 03 tháng 01 năm 2024.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Phước H, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh

